

DẠY HỌC CHO HỌC SINH ĐIẾC CẤP TRUNG HỌC BẰNG NGÔN NGỮ KÍ HIỆU Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG

NGUYỄN THỊ THU HÀ*

Ngày nhận bài: 12/08/2016; ngày sửa chữa: 18/08/2016; ngày duyệt đăng: 18/08/2016.

Abstract: This paper introduces and presents teaching deaf students by using sign language in High School for the Deaf of Center supports development of special education, The National College for Education. The article shares experiences and suggests recommendations to enhance quality of teaching for deaf students, helping them get more achievements in learning.

Keywords: Deaf students, sign language, information technology, The National College for Education.

Trong 21 năm thực hiện Nghị định 26/CP, ngày 17/4/1995 của Chính phủ về giao nhiệm vụ “*đạy văn hóa cho trẻ khuyết tật, bao gồm cả trẻ điếc, chuyển sang Bộ GD-ĐT*”, giáo dục học sinh (HS) khuyết tật của Việt Nam đã có những thành tựu nhất định, số lượng trẻ khuyết tật được đi học tăng lên hơn 10 lần. Ước tính hiện nay ở Việt Nam có khoảng 64.000 trẻ điếc có nhu cầu học bằng ngôn ngữ kí hiệu (NNKH). Do tại các trường hòa nhập, lực lượng giáo viên (GV) còn hạn chế về NNNKH nên đa số trẻ điếc đều học tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt. Tuy nhiên, ngay tại các cơ sở này cũng chỉ chủ yếu thực hiện các chương trình giáo dục tiểu học mà chưa có cơ sở giáo dục nào chính thức thực hiện chương trình giáo dục trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT) cho HS điếc.

Thực hiện Công văn số 4072/BGDĐT-TCCB, ngày 04/8/2014 của Bộ GD-ĐT về việc thực hiện Đề án *Tổ chức các lớp dạy HS điếc cấp trung học tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương*, bắt đầu từ năm học 2014-2015, HS điếc học xong tiểu học ở khu vực miền Bắc và miền Trung có nhu cầu được tiếp tục học tập lên cấp trung học (gồm THCS và THPT) đã được tiếp nhận và đảm bảo quyền, có cơ hội được học tập lên cao đẳng, đại học sau này.

1. Cơ sở lí luận

1.1. Trẻ điếc và việc tới trường. Trẻ khuyết tật thính giác (khiếm thính) có thể chia làm hai nhóm: *nhóm có những vấn đề nghiêm trọng về khả năng nghe - bị điếc hoàn toàn và nhóm bị suy giảm khả năng nghe* [1]. Nghiên cứu sâu hơn cho thấy: HS điếc/nghe kém có khả năng phát triển nhận thức giống như HS đồng lứa khác. Ở Việt Nam, một số trẻ bị điếc được đến học ở các trường dành cho trẻ điếc và học tập thông qua NNNKH. Trong NNNKH, người ta dùng bàn tay, ngón tay để diễn đạt các con số, chữ cái, từ và

các câu. Sử dụng ngôn ngữ tự nhiên của trẻ điếc - NNNKH nhằm thúc đẩy sự phát triển về nhận thức, xã hội, tình cảm, thể chất, ngôn ngữ của trẻ. Khi tương tác với người điếc, nếu người nghe biết sử dụng NNNKH thì ngôn ngữ của trẻ điếc sẽ được phát triển một cách bình thường. Trẻ điếc nếu được tiếp cận NNNKH sớm sẽ thuận lợi trong quá trình học tiếng Việt (đọc và viết) sau này.

1.2. Ngôn ngữ kí hiệu gồm các hình dạng của bàn tay, cử chỉ, điệu bộ, kí hiệu kết hợp để diễn đạt thông tin giữa những người khiếm thính một cách chính xác, với một hệ thống quy định và quy tắc như ngôn ngữ nói. Đây là một phương tiện giao tiếp chính của cộng đồng người điếc.

Trẻ điếc có quyền lĩnh hội NNNKH như là ngôn ngữ thứ nhất, khi đó tiềm năng ngôn ngữ của trẻ sẽ được khơi dậy. Một nhu cầu tự nhiên là GV dạy HS điếc cần học cách sử dụng NNNKH để có bài giảng rõ ràng, hiệu quả.

1.3. Điểm mạnh và điểm yếu của HS điếc:

1.3.1. Những điểm mạnh: Ở HS điếc, thị giác đảm nhận các chức năng thay thế cho thính giác. Nhờ khả năng quan sát tốt, HS điếc dễ dàng phát hiện các đặc điểm nổi bật của sự vật, hiện tượng. Một đặc điểm cơ bản mà GV cần chú ý khi dạy học cho HS điếc, đó là tổ chức cho các em học tập thông qua quan sát, bắt chước và thực hành.

HS điếc được đánh giá là người có trí thông minh thực tế (giải quyết các tình huống/vấn đề thực tiễn). Các em có thể tìm ra cách giải quyết vấn đề dựa trên tình huống thực và các sự kiện, hiện tượng quan sát được, tư duy của các em chủ yếu là tư duy trực quan.

Việc không nghe được hầu như không ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất của HS điếc. Các

* Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

em có thể đạt được mức độ phát triển kỹ năng vận động như tất cả các HS khác. Quan sát thị giác tốt giúp HS điếc khéo léo trong kỹ năng vận động, các em thường có một số khả năng nổi trội như: vẽ, múa, trang trí,... HS điếc cũng rất ham học hỏi, nhất là với các nhiệm vụ học tập mới, có sử dụng phương tiện hỗ trợ trực quan, phương tiện điện tử.

1.3.2. Những điểm yếu: HS điếc tiếp nhận thông tin chủ yếu bằng thị giác nên gặp khó khăn với các khái niệm trừu tượng. Các em chỉ hiểu khái niệm khi gắn với sự vật, hiện tượng, sự kiện cụ thể và gặp khó khăn trong quá trình tổng hợp, khái quát hóa, trừu tượng hóa.

Để hiểu được những thông tin trong quá trình học tập hoặc giao tiếp, HS điếc cần tập trung chú ý cao độ, vừa quan sát vừa phán đoán. Tuy nhiên, HS điếc thường khó duy trì khả năng tập trung trong một khoảng thời gian dài.

Việc không nghe/nói được khiến HS điếc mất nhiều cơ hội học tập ngẫu nhiên thông qua các cuộc giao tiếp hàng ngày. Điều này dẫn đến đôi khi các em không hiểu hoặc hiểu không đầy đủ các quy tắc, mối quan hệ xã hội nên có sự phản ứng không phù hợp, có ngưỡng ức chế thấp hoặc tỏ ra quá nhạy cảm, dễ xung đột.

Sự hạn chế về ngôn ngữ sẽ tạo ra khó khăn về khả năng đọc hiểu. Khi sử dụng NNKH, sự không giống nhau trong cấu trúc ngữ pháp của NNKH và ngôn ngữ nói làm hạn chế khả năng đọc hiểu của HS. Vì vậy, đọc hiểu tài liệu học tập là khó khăn điển hình của HS điếc.

2. Thực tiễn dạy học cho HS điếc bằng NNKH tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

2.1. Mục tiêu của đề án Tổ chức các lớp dạy HS điếc cấp trung học: - Tạo dựng một mô hình tổ chức các lớp dạy HS điếc cấp trung học tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương để các Trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập, các cơ sở giáo dục HS điếc trong cả nước học tập và nhân rộng mô hình; - Nghiên cứu ứng dụng hệ thống NNKH cho các môn học cấp trung học và phương tiện thiết bị dạy học trên cơ sở kinh nghiệm dạy học tại Trường để thực hiện nhiệm vụ dạy học cho HS điếc ở Việt Nam. Trở thành cơ sở nguồn của Bộ GD-ĐT trong hỗ trợ mạng lưới ở các cơ sở giáo dục HS điếc về ứng dụng chương trình, phương pháp dạy học cấp trung học dành cho đối tượng HS điếc Việt Nam.

2.2. Mô hình dạy trung học dành cho HS điếc tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương. Kết thúc dự án giáo dục người điếc cấp THCS giai đoạn 2008-2013 (hợp tác giữa Bộ GD-ĐT với Nippon

Foundation), nhà trường có 22 HS học ở một lớp 8 và một lớp 9. Năm học 2014-2015 có 32 HS, chia thành 3 lớp (2 lớp ở THCS, 1 lớp ở THPT); năm học 2015-2016 có 64 HS, chia thành 5 lớp (3 lớp THCS, 2 lớp THPT); năm học 2016-2017 dự kiến sẽ có khoảng 85 HS, chia thành 7 lớp (lớp 12, lớp 11, lớp 9, lớp 8, hai lớp 7, lớp 6 và lớp 5 nâng cao - dự bị vào lớp 6). Các em được chia thành các lớp nhỏ, số HS trong lớp khoảng 12 HS và chỗ ngồi luôn được sắp xếp sao cho GV có thể tương tác với từng HS.

Với sự chỉ đạo sát sao của Ban Giám hiệu nhà trường, HS điếc luôn được ưu tiên, tạo điều kiện về cơ sở vật chất tốt nhất như: trang thiết bị học tập, phòng đặc thù (vi tính, múa, vẽ), phòng học, phòng ở rộng, thoáng trong kí túc xá.

Để khích lệ kịp thời sự nỗ lực và cố gắng cho HS điếc, sự vượt khó và tinh thần trách nhiệm cao của tập thể cán bộ GV của Trường, nhà trường đang triển khai xây dựng, nâng cấp khu nhà để xe tại lô đất B5 thành tòa nhà với 14 phòng học, phòng thư viện, thí nghiệm, thực hành dành riêng cho giáo dục HS điếc.

2.3. Thực tiễn dạy học bằng NNKH cho HS cấp trung học dành cho người điếc tại Trung tâm Hỗ trợ Phát triển giáo dục đặc biệt ở nhà trường. Năm học 2015-2016, nhà trường bố trí 26 GV có trình độ chuyên môn, yêu nghề và có kinh nghiệm dạy học tất cả 12 môn học theo chương trình giáo dục thường xuyên ở cấp THCS và THPT. Để

Bảng 1. Động ngũ GV tham gia dạy học cho HS điếc năm học 2016-2017

TT	Bộ môn	GV		Đảng viên	Số GV					
		Tổng số	Nữ		Cơ hữu	Thỉnh giảng	Trình độ chuyên môn			
							TS	ThS	Đại học	Cao đẳng
I										
Tổ Tự nhiên										
1	Toán học	5	5		4	1		3	2	
2	Vật lí	2	1	1	2			1	1	
3	Hóa học	2	1	2	2		1	1		
4	Sinh học	2	2	1	2			2		
5	Tin học	3	2	2	3			2	1	
II										
Tổ Xã hội - Nghệ thuật										
6	Ngữ văn	5	5	1	5		1	4		
7	Tiếng Anh	2	2	2	2			1	1	
8	Lịch sử	3	3	1	3			2	1	
9	Địa lí	2	2		1	1		2		
10	GD CD	4	3		4			4		
11	Tiểu học	1	1		1				1	
12	NNKH	1	1		1				1	
13	Mĩ thuật	4	3		4			4		
14	Múa	2	2		2			1	1	
Tổng cộng		38	34	10	36	2	2	26	9	1

phát huy mặt mạnh của HS điếc, Trường đã tổ chức các môn học về giáo dục thính giác và định hướng nghề nghiệp như: múa, mỹ thuật.

Để đảm bảo chất lượng giảng dạy, năm học 2016-2017, đội ngũ GV được nâng lên là 35 GV, bổ sung thêm GV vững chuyên môn, tận tâm với nghề. Các GV được biên chế sinh hoạt ở 2 tổ chuyên môn: *Tự nhiên và Xã hội - Nghệ thuật*. Trong đó, có 3 GV cơ hữu thuộc Trung tâm Hỗ trợ Phát triển giáo dục đặc biệt, 30 GV thuộc các phòng/khoa, 2 GV mời giảng, 3 GV dạy học liên môn (Tiếng Anh - NNKH, Ngữ văn - Lịch sử, Lịch sử - Giáo dục công dân).

Tham gia dạy học tại các lớp HS điếc, đa số là GV đang dạy học ở các trường cao đẳng, phổ thông được bồi dưỡng tại chỗ, thông qua các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, trung hạn về NNKH, văn hóa người điếc, phương thức dạy học cho người điếc.

Công tác dạy học HS điếc tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương trong những năm vừa qua có không ít khó khăn và cũng có rất nhiều thuận lợi. Cụ thể:

2.3.1. Những thuận lợi: - Ban Giám hiệu, Đảng ủy nhà trường quan tâm hỗ trợ nhiều mặt; - Các GV chủ nhiệm theo sát lớp, có trách nhiệm cao trong công tác quản lý HS; - Tất cả GV cố gắng thực hiện quy chế chuyên môn nghiêm túc; nhiệt tình giảng dạy; những GV mới tích cực học hỏi kinh nghiệm dạy học qua các buổi dự giờ, góp ý; luôn chú ý tạo môi trường giáo dục thân thiện, thương yêu HS; - Đội ngũ GV đồng, đồng bộ giữa các môn học, lực lượng trẻ, nhiệt tình, tỉ lệ GV trên chuẩn cao; tích cực trau dồi NNKH qua giao tiếp với HS, qua các lớp học NNKH.

2.3.2. Những khó khăn: - Quá trình giao tiếp bằng NNKH giữa GV với HS còn nhiều hạn chế; - Chất lượng đầu vào (lớp 6) còn thấp, tỉ lệ HS yếu nhiều, nguy cơ bỏ học cao; - Có sự chênh lệch lớn về trình độ giữa các HS trong một lớp; - HS còn "lơ là" trong học tập do chưa xác định đúng mục đích học tập; - Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác quản lý, dạy học còn thiếu; - Do chưa có các văn bản phối hợp chỉ đạo giữa Bộ GD-ĐT và Sở GD-ĐT Hà Nội nên cấp trung học dành cho người điếc chưa nhận được sự chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn về chuyên môn.

3. Một số biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học cho HS điếc cấp trung học bằng NNKH ở Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

3.1. Nâng cao năng lực sử dụng NNKH cho GV. Thực tế cho thấy, để bài giảng hiệu quả và thu hút, GV cần chuẩn bị các phương tiện trực quan, đồ dùng, thiết bị,... nhất là các hình ảnh, video minh họa

với sự trợ giúp của công nghệ thông tin. Nhờ ứng dụng công nghệ thông tin, GV có thể tìm tòi, tra cứu, cập nhật thông tin kịp thời, phong phú, nhanh, chính xác và cụ thể nhằm góp phần nâng cao hiệu quả bài học, giúp người học hiểu rõ vấn đề hơn.

Vai trò hướng dẫn, giảng giải của GV bằng NNKH, chữ viết, hình ảnh, làm mẫu,... là rất cần thiết. Khi sử dụng máy tính, tuy HS điếc đã được hỗ trợ bằng phụ đề hoặc diễn tả qua NNKH song song cùng với hình ảnh nhưng việc xử lý thông tin vẫn bị hạn chế vì mất phải tập trung vào hình ảnh và phụ đề/NNKH. Thêm vào đó, phụ đề cần phù hợp với khả năng ngôn ngữ và việc hiểu cấu trúc ngữ pháp của người điếc. Sự tương tác trong giao tiếp giữa GV và HS điếc đóng vai trò quan trọng trong quá trình học tập của các em.

Trong *Hội thảo Lập kế hoạch hỗ trợ thính giác giáo dục cho người điếc*, ngày 08/6/2016 tại Hà Nội, em Nguyễn Thị Ngọc Anh, 24 tuổi, HS lớp 11 (Ngọc Anh là HS khóa đầu tiên, bắt đầu từ lớp 6, năm học 2010-2011 của cấp trung học dành cho người điếc, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương) đã phát biểu trước các nhà giáo dục, các chuyên gia và đại diện cha mẹ trẻ điếc rằng: "*Trước kia (tiểu học), học bằng phương pháp lời nói (học phát âm), em đã bị hỏng kiến thức vì không hiểu được nhiều những gì thầy cô giảng. Từ khi được theo học chương trình bằng NNKH tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, em học tốt hơn, giao tiếp tốt hơn với mọi người bằng tiếng Việt (bút đàm)*".

Nhờ có NNKH, HS điếc có thể hiểu biết, lĩnh hội tri thức, thành thạo các kĩ năng thực hành phù hợp với đặc điểm học tập của các em. Khi HS điếc truyền đạt thông tin tiếp nhận được bằng NNKH, sẽ khuyến khích các em tập trung tiếp thu kiến thức một cách chính xác hơn. NNKH nên là một công cụ chính, sử dụng trong dạy học, giao tiếp với HS điếc. Vì vậy, cần tiếp tục có các lớp NNKH phù hợp với trình độ cho GV được tập huấn, bồi dưỡng để nâng cao hiệu quả dạy học.

3.2. Lựa chọn nội dung, cách diễn đạt phù hợp với trình độ của HS điếc. Chăm sóc, giáo dục HS bình thường đã khó khăn, đối với HS điếc lại càng khó khăn hơn. Việc chăm sóc, giáo dục, dạy học cần được thiết kế đặc biệt, điều chỉnh nội dung chương trình, phương pháp giáo dục linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với nhu cầu riêng biệt của các em. GV phụ trách việc chăm sóc, dạy dỗ HS điếc cần có tình yêu thương, sự kiên trì, bền bỉ để các em được học tập và phát triển với niềm tin rằng: người điếc có thể học được. Nhu cầu lớn nhất với các em là học các kĩ năng giao tiếp.

Sự thành công của chu trình giao tiếp không chỉ phụ thuộc vào khó khăn của HS điếc, sự thành công của GV trong việc tìm hiểu thông tin (tìm hiểu điệu bộ, cử chỉ, kí hiệu) của các em mà còn phụ thuộc các nhân tố khác như: thời gian, hoàn cảnh giao tiếp,...

Để chu trình giao tiếp được diễn ra trôi chảy, GV cần diễn đạt ngắn gọn, chú trọng những mong muốn, nhu cầu của HS dựa trên nguyên tắc tôn trọng và khuyến khích các em. Khi dạy học cho HS điếc, GV cần: - Giúp HS tập trung chú ý, sau đó mới bắt đầu giao tiếp với em; - Sử dụng tranh ảnh, sơ đồ, mô hình và vật thật nhiều hơn trong quá trình hướng dẫn, giúp các em trực quan hóa các từ, khái niệm khó; - Làm mẫu cho HS; - Luôn giữ thái độ tích cực, khuyến khích và động viên HS.

4. Những đề xuất, kiến nghị

4.1. Cần có sự phối hợp, chỉ đạo của Ban chỉ đạo Giáo dục trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và Trẻ khuyết tật, Vụ Giáo dục trung học, Vụ Giáo dục thường xuyên, Sở GD-ĐT Hà Nội nhằm đảm bảo việc báo cáo thường xuyên về tình hình giáo dục cho HS điếc cấp trung học, tiếp nhận, thực hiện các thông tin chỉ đạo, quản lí giáo dục trẻ khuyết tật, giáo dục cấp trung học và giáo dục thường xuyên.

4.2. Cần nâng cao nhận thức của xã hội và gia đình về vai trò của việc giáo dục cho trẻ điếc bởi mặc dù vấn đề thực hiện chính sách và luật người khuyết tật đã có nhiều thay đổi nhưng nhiều gia đình có trẻ điếc do điều kiện kinh tế khó khăn nên không gửi con em tới học tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương; phụ huynh chưa có nhiều cơ hội lựa chọn mô hình giáo dục phù hợp nhất cho con em mình; chất lượng giáo dục còn nhiều hạn chế, chưa phát huy hết các mặt mạnh của HS điếc; đội ngũ chuyên biệt dạy học cho HS điếc còn ít. Ngoài ra, cần tiếp tục chú trọng phát triển nguồn nhân lực có chất lượng thông qua việc đào tạo, bồi dưỡng GV, đi đôi với việc chỉ đạo và giám sát, hỗ trợ điều chỉnh chương trình, đổi mới phương pháp, môi trường dạy học và phương thức đánh giá kết quả giáo dục.

4.3. Hỗ trợ giáo dục hướng nghiệp cho HS điếc cấp trung học. Do nhiều HS điếc không có đủ điều kiện tiếp tục học ở bậc cao hơn nên việc hỗ trợ giáo dục hướng nghiệp là hướng tiếp cận phù hợp và thực tiễn nhất. Các em học xong cấp học trung học cần đạt được các mục tiêu: - Sử dụng thành thạo NNKH trong giao tiếp, sử dụng được chữ viết để giao tiếp với người xung quanh; - HS tốt nghiệp trung học với vốn kiến thức phổ thông có thể tìm được việc làm để hòa

nhập, nuôi sống bản thân, không trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội.

Đối với những HS tốt nghiệp và mong muốn học lên cao, với điều kiện cơ sở vật chất, nguồn lực con người của Việt Nam hiện nay, cần cho các em có nhu cầu đặc biệt được giáo dục tại các trường cao đẳng, đại học thông thường, với nhiều hình thức hỗ trợ đặc biệt.

Việc giáo dục HS điếc tại Việt Nam nói chung và tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương nói riêng đã đạt những thành tựu nổi bật như: - Quy mô giáo dục được mở rộng; - Hệ thống văn bản pháp lí nền tảng đã được ban hành; - Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực được duy trì và phát triển; - Công tác quản lí giáo dục HS điếc ngày càng hiệu quả.

Việc triển khai Đề án *Tổ chức các lớp dạy HS điếc cấp trung học tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương* sau 2 năm học, đã thu được một số kết quả khả quan: - *Góp phần thúc đẩy sự phát triển cá nhân cho HS điếc:* Qua một thời gian học trong nhà trường, HS điếc đã có vốn ngôn ngữ nhất định, có nhiều phương tiện giao tiếp khác nhau, tự tin, có kinh nghiệm và thói quen giao tiếp với tất cả mọi người. Các em được tổ chức các lễ hội trong Trường, giao lưu với các đoàn khách quốc tế đến thăm Trường, tích cực tham gia các hoạt động xã hội (sinh hoạt các câu lạc bộ, chi hội người điếc, dự án IDEO - giáo dục trẻ điếc trước tuổi đến trường, dự án làm phim "Nghe bằng mắt",...). Trong quá trình học tập, kĩ năng đọc của HS phát triển, giúp các em tự học, tự tìm hiểu; - *Giảm nguy cơ xã hội:* Trong phản hồi của phụ huynh các HS đầu cấp với GV chủ nhiệm cho thấy, có sự tiến bộ rõ rệt về nhiều mặt của con em mình sau một thời gian ngắn học tại Trường. Việc học tập, tham gia các hoạt động ngoại khóa do nhà trường tổ chức (tham quan bảo tàng, tọa đàm giáo dục giới tính,...) đã thu hút HS điếc vào các hoạt động có ích, tập trung sự quan tâm của các em vào các hoạt động lành mạnh. Điều này giúp cho gia đình, nhà trường và xã hội dễ dàng hơn trong việc quản lí và định hướng cho các em; - *Thúc đẩy phát triển giáo dục trẻ khuyết tật:* Kinh nghiệm dạy học bằng NNKH của Việt Nam còn hạn chế, vì vậy hiện nay chương trình giáo dục trung học cho người điếc, hệ thống NNKH, tài liệu, đồ dùng, băng hình và các học liệu khác còn chưa có. Việc tổ chức các lớp dạy học cho HS điếc cấp trung học ở Trường Cao đẳng

(Xem tiếp trang 124)

được trau dồi những năng lực và phẩm chất như sau: Trang bị kiến thức chuyên môn; trau dồi những kiến thức, KN trong việc dạy học cho TKT; đặc biệt là kiến thức tổng quát về các môn “Tâm lí học”, “GD đặc biệt”, “Sức khỏe tâm thần”, xây dựng và thực hiện kế hoạch cá nhân cho TKT; GV cần thường xuyên đổi mới phương pháp dạy học và tổ chức các hoạt động; tạo nên những giờ học lôi cuốn, thu hút trẻ; tổ chức, xây dựng vòng kết nối bạn bè cho TKT; xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị và đồ dùng học tập. Bên cạnh đó, GV cần có các KN thực hành AN như: Đàn, hát, vận động theo nhạc, biểu diễn và tổ chức trò chơi AN một cách thành thạo. Do đó, xây dựng đội ngũ GV có kiến thức cơ bản về GD AN cho TKT và có những phẩm chất nói trên là một nhiệm vụ quan trọng trong sự nghiệp GD nghệ thuật nói riêng, sự nghiệp GD nói chung.

HEĐAN đem đến cho TKT những cái đẹp, sự tiến bộ và nhẹ nhàng phê phán những cái xấu, tạo cho trẻ một trạng thái tâm hồn hết sức thanh thản, hồn nhiên và trong sáng. Khi tham gia HEĐAN với cô, với bạn ở lớp, TKT tìm được niềm vui, sự hồn nhiên, nhí nhảnh theo đúng đặc điểm tâm sinh lí của mình. Việc sử dụng AN để trị liệu cho TKT là một cách làm hiệu quả, giúp TKT thư giãn, phát triển KN giao tiếp - xã hội, điều chỉnh

hành vi; đồng thời giúp chúng ta tiếp cận, tương tác và hiểu hơn về TKT.

Tổ chức HEĐAN trong GDHN cho TKTMN cần được xã hội hoá một cách triệt để, mức độ xã hội hoá càng cao thì hiệu quả GD càng lớn. Ngoài HEĐAN ở trường, gia đình cũng phải là một môi trường sinh hoạt AN lành mạnh, thường xuyên cho TKT được cùng tham gia và trải nghiệm để các em nhanh được hòa nhập trong cộng đồng. Marianne Wiersema - Horus/Muziek Speciaal đã nói “GD AN theo một cách đặc biệt là một món quà đặc biệt cho trẻ có nhu cầu đặc biệt”. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Đỗ Xuân Hà (1998). *Giáo dục Hoa Kỳ - Món nợ lớn đối với thế hệ trẻ*. NXB Giáo dục.
- [2] *Luật Người khuyết tật*, số 51/2010/QH12 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- [3] *Luật Giáo dục*, số 38/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- [4] Nguyễn Văn Thọ (2009). *Liệu pháp âm nhạc và ứng dụng liệu pháp tâm lí âm nhạc trong điều trị bệnh tâm thần*. NXB Y học Hà Nội.
- [5] Nguyễn Minh Anh (2014). *Ứng dụng nghệ thuật trị liệu trong hoạt động với trẻ mầm non hòa nhập*. Kỷ yếu hội thảo khoa học Giáo dục hòa nhập - Lí luận và thực tiễn”. Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP. Hồ Chí Minh tr 37-38.

Một số kĩ thuật dạy học hiệu quả...

(Tiếp theo trang 108)

khác nhau phù hợp với đặc điểm học tập của các em. Để quá trình DH đạt kết quả tốt, GV cần tập trung khai thác KTDH mang yếu tố “hình ảnh hóa kiến thức” và có KN sử dụng song ngữ (NNKH và tiếng Việt) để thu hút sự chú ý và tạo hứng thú học tập cho HS. Trên đây là một số KTDH đã được áp dụng trong thực tế giảng dạy và mang lại những kết quả tích cực. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Holden-Pitt, L. - Albertorio, J. (1998). *Thirty years of the Annual Survey of Deaf and Hard-of-Hearing Children and Youth: A glance over decades*. American Annals of the Deaf.
- [2] Nguyễn Xuân Hải (2009). *Giáo dục học trẻ khuyết tật*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Howard Gardner (2011). *Frames of Mind: The Theory of Multiple Intelligences*. NXB Basic Books Inc.
- [4] Lê Văn Hồng (chủ biên) (2009). *Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Donna Walker Tileston (2005). *10 best teaching practices*. NXB Corwin Press.

Dạy học cho học sinh điếc...

(Tiếp theo trang 112)

Sư phạm Trung ương sẽ là một hướng đi đột phá, góp phần tháo gỡ những tồn tại này.

Đề án cũng khẳng định thêm năng lực hoạt động của các GV tham gia vào hoạt động giáo dục đặc biệt; tăng cường sự tham gia, chia sẻ kinh nghiệm của các GV,... trong Trường. Mô hình này mở ra triển vọng HS điếc sau khi học hết trung học phổ thông có thể thi vào các khoa đào tạo nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng của nhà trường. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt trong giáo dục vào các trường học (2006). *Tài liệu dành cho giáo viên (Including children with special learning needs in all schools)*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [2] Audrey C. Cooper - Samuel L. Weber (2015). *Tài liệu hướng dẫn nhóm hỗ trợ gia đình*. Dự án Giáo dục trẻ điếc trước tuổi đến trường (IDEO), tr 49-50.
- [3] Kirstin Bostelmann - Vivien Heller (2007). *Tăng cường và hỗ trợ giao tiếp*. NXB Đại học Huế.
- [4] Bùi Văn Huệ (chủ biên) (2003). *Tâm lí học xã hội*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.